

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **42/2024/HS-ST**

Ngày: 06/5/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thanh Hà.

Ông Lê Tấn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Việt Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Lâm Thanh S; Sinh ngày: 08/11/1986; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 336/7/3 đường NVL, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 1017/56 đường HB, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lâm Văn T và bà: Vương Phụng K (chết); Có vợ: Không và con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 19/5/2023.

Nhân thân:

- Ngày 08/5/2008, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm 04 tháng về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» (Bản án số: 158/2008/HSST). Đã thi hành xong án phí ngày 27/8/2008 (Phiếu trả lời xác minh số: 1712/PXM-CCTHADS ngày 02/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ngày 05/7/2019, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường 06 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy (Quyết định số: 206/QĐ-UBND). Chấp hành xong

ngày 05/01/2020 (Giấy chứng nhận số: 25/GCN-UBND ngày 07/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 6).

(bị cáo có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. **Phạm Văn T1** (tên thường gọi là Hậu, Hậu A); Sinh ngày: 25/12/1999; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 207/12 đường số J, Phường M, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Không nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn D và bà: Nguyễn Thị Mỹ P; Có vợ: Không và con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ từ ngày 18/5/2023.

Nhân thân: Ngày 21/01/2020, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 12 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy (Quyết định số: 32/2020/QĐ-TA). Chấp hành xong ngày 11/02/2021 (Giấy chứng nhận số: 733/GCN-CS1 ngày 26/01/2021 của Cơ sở cai nghiện ma túy Số 1).

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

3. **Nguyễn Thị Hồng T2**; Sinh ngày: 20/01/1991; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 76/12 đường BH, Phường M, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 119/45B29 đường THĐ, Phường N, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn D1 và bà: Nguyễn Thị T3; Có chồng: Là ông Nguyễn Đức M và con: Có 06 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh ngày 08/3/2023; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam từ ngày 29/6/2023 (bị bắt, tạm giữ trước từ ngày 29/3/2023 đến ngày 01/4/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú).

Nhân thân:

- Ngày 06/6/2006, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội «Cướp tài sản» (Bản án số: 708/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/02/2020 và đã thi hành xong án phí vào tháng 12/2006 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 266/GCN của Trại giam Long Hòa và Công văn trả lời xác minh số: 1036/CCTHADS-VP ngày 16/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ngày 25/9/2023, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội «Mua bán trái phép chất ma túy» (Bản án số: 65/2023/HS-ST).

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Trần Thanh P; Sinh năm: 1996; Thường trú: 260/27D đường BH, Phường M, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

2. Bà Huỳnh Kiệt C (Muối); Sinh năm: 2021; Trú tại: 99/49 đường LDC, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.
(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 22 giờ 50 phút ngày 18/5/2023, tổ công tác thuộc Công an Quận 6 trên đường tuần tra phát hiện Phạm Văn T1 đang điều khiển xe gắn máy biển số 50H4-1646 chạy đến trước nhà số 482 đường NVL, Phường L, Quận F có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra và đã thu giữ trong túi quần bên trái của T1 01 gói nylon chứa tinh thể không màu (T1 khai đó là ma túy đá do Nguyễn Thị Hồng T2 nhờ T1 đến nhà của Lâm Thanh S, địa chỉ số 1017/56 đường HB, Phường L, Quận F lấy đem về cho T2). Ngoài ra, còn thu giữ của T1 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo màu đỏ (bên trong có 01 sim điện thoại số 0879379767). Sau đó, tổ công tác đã giao T1 cùng các vật chứng nêu trên cho Cơ quan điều tra Công an Quận 6 giải quyết.

Từ lời khai của Phạm Văn T1 về nguồn gốc ma túy, Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Quận 6 phối hợp với Công an Phường 12, Quận 6 kiểm tra hành chính nhà của Lâm Thanh S, địa chỉ 1017/56 đường HB, Phường L, Quận F. Tại đây, S tự nguyện giao nộp 01 hộp giấy màu Đ, bên trong hộp giấy có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu và 01 gói nylon chứa bột màu trắng (S khai là ma túy đá và Heroine).

Tiến hành khám xét nơi ở của Lâm Thanh S tại địa chỉ trên, tổ công tác thu giữ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, 01 cân điện tử, 01 ống hút nhựa được cắt xéo một đầu. Ngoài ra, còn tạm giữ đối tượng có mặt tại phòng ngủ của S trên lầu 2 là Trần Thanh P.

Từ lời khai của Phạm Văn T1, Lâm Thanh S, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 triệu tập Nguyễn Thị Hồng T2 lên trụ sở làm việc.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Văn T1, Lâm Thanh S, Nguyễn Thị Hồng T2 đều khai: T1, S, T2 là bạn bè quen biết ngoài xã hội. Tính đến ngày bị bắt, T2 đã mua ma túy của S tổng cộng 03 lần để sử dụng và cả 03 lần này, T2 đều nhờ T1 đến gặp S nhận ma túy đem về cho T2 và mỗi lần T2 trả công cho T1 50.000 đồng. Cụ thể, ngày 14 và ngày 16/5/2023, sau khi liên lạc với S hỏi mua 01 gói ma túy đá giá 500.000 đồng, T2 đưa tiền cho T1, đồng thời nhờ T1 đến nhà của S, địa chỉ 1017/56 đường HB, Phường L, Quận F nhận gói ma túy và trả tiền cho S. Khoảng 18 giờ ngày 18/5/2023, T2 đến nhà của S hỏi mua 01 gói ma túy đá giá 1.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, S kêu T2 về nhà chờ, khi nào có ma túy S sẽ điện thoại kêu T2 đến lấy. Đến 21 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi nhận được điện thoại của S, T2 nhờ T1 đến gặp S lấy giùm gói ma túy đem về cho T2, T1 đồng ý và điều khiển xe gắn máy biển số 50H4-1646 đến nhà gặp S nhận gói ma

túy cất vào trong túi quần phía trước bên trái rồi điều khiển xe chạy về đến trước nhà số 482 đường NVL, Phường L, Quận F thì bị kiểm tra bắt giữ như nêu trên.

Về phần T2, sau khi chờ đến 23 giờ cùng ngày không thấy T1 đem gói ma túy về, T2 đến nhà gặp S mua thêm 01 gói ma túy với giá 500.000 đồng để sử dụng.

Ngoài ra, Lâm Thanh S khai 02 gói ma túy mà S giao nộp cho Công an lúc kiểm tra hành chính nhà số 1017/56 đường HB, Phường L, Quận F là của S cất giữ sử dụng. Nguồn gốc ma túy là S mua từ một người tên Đ (không rõ lai lịch). Còn Trần Thanh P là người làm công cho cha của S. Thịnh thoảng P đến phụ giúp S dọn dẹp nhà cửa và được S cho sử dụng ma túy tại phòng ngủ của S ở tầng 2. Tính đến ngày bị bắt, S đã cho P sử dụng ma túy 02 lần (một lần vào ngày 16, một lần vào ngày 19/5/2023).

Trần Thanh P khai tương tự lời khai của Lâm Thanh S và khai không biết việc S mua và cất giữ ma túy như thế nào. Cơ quan điều tra tiến hành cho S đối chất với P, cả hai đều xác nhận P không hùn tiền với S mua ma túy cũng như P không phụ giúp S trong việc mua bán ma túy.

Theo kết quả xét nghiệm chất ma túy cùng ngày 19/5/2023 của Trạm y tế Phường 12, Quận 6, Lâm Thanh S, Phạm Văn T1, Trần Thanh P đều dương tính với Methamphetamine. Kết quả xét nghiệm chất ma túy ngày 29/6/2023 của Trạm y tế Phường 14, Quận 6, Nguyễn Thị Hồng T2 dương tính với Methamphetamine.

Tại Kết luận giám định số: 5431/KL-KTHS ngày 26 tháng 5 năm 2023, Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận:

- Gói 1: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon được niêm phong, bên ngoài có dấu vân tay ghi tên Phạm Văn T1, chữ ký ghi tên Nguyễn Anh T4 (người chứng kiến) và hình dấu Công an Phường 12, Quận 6 (ký hiệu m₁) cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 2,5277g (hai phẩy năm hai bảy bảy gam), loại Methamphetamine.

- Gói 2: được niêm phong, bên ngoài có các chữ ký ghi tên Nguyễn Hữu H (người chứng kiến), Lâm Thanh S và hình dấu Công an Phường 12, Quận 6, bên trong có:

- + Tinh thể không màu trong 01 gói nylon (ký hiệu m₂) cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,9956g (một phẩy chín chín năm sáu gam), loại Methamphetamine.

- + Bột màu trắng ngà trong 01 gói nylon (ký hiệu m₃) cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,2351g (không phẩy hai ba năm một gam), loại Heroine, có tên khoa học là Diacetylmorphine, được quy định trong Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị định số: 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 ra quyết định khởi tố vụ án hình sự (Quyết định số: 74/QĐ-ĐCSMT); khởi tố bị can đối với Lâm Thanh S về các tội «Mua bán trái phép chất ma túy», «Tàng trữ trái phép chất ma túy» (Quyết định số: 71/QĐ-ĐCSMT); khởi tố bị can đối với Phạm Văn T1 về tội «Vận chuyển trái phép chất ma túy» (Quyết định số: 70/QĐ-ĐCSMT); khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị Hồng T2 về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» (Quyết định số: 72/QĐ-ĐCSMT).

Ngày 21 tháng 11 năm 2023, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 ra quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự (Quyết định số: 09/QĐ-ĐCSMT); khởi tố bị can đối với Lâm Thanh S về tội «Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy» (Quyết định số: 07/QĐ-ĐCSMT).

Đối với Trần Thanh P, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi mua bán, cất giữ ma túy của Lâm Thanh S, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự. Còn hành vi sử dụng ma túy của Trần Thanh P thì ngày 02/8/2023, Tòa án nhân dân Quận 6 đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 18 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy (Quyết định số: 50/QĐ-TA).

Đối với người tên Đ bán ma túy cho Lâm Thanh S, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đang tiến hành điều tra xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau.

Tại Cáo trạng số: 25/CT-VKS-Q6 ngày 20 tháng 02 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lâm Thanh S về các tội «Mua bán trái phép chất ma túy», «Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy», «Tàng trữ trái phép chất ma túy» theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251; điểm a khoản 2 Điều 255; điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Phạm Văn T1 về tội «Vận chuyển trái phép chất ma túy» theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Nguyễn Thị Hồng T2 về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo Phạm Văn T1 khai khoảng 22 giờ 50 phút ngày 18/5/2023, bị cáo đến nhà của Lâm Thanh S, địa chỉ 1017/56 đường HB, Phường L, Quận F nhận 01 gói ma túy đá cho Nguyễn Thị Hồng T2 và bị cáo đang trên đường đem gói ma túy về cho T2, nhưng chưa gặp T2 thì bị Công an phát hiện bắt giữ như nội dung bản cáo trạng nêu. Bị cáo khai ngoài lần bị bắt, trước đó bị cáo đã đến gặp S nhận ma túy cho T2 02 lần, mỗi lần T2 đều trả công cho bị cáo 50.000 đồng. Riêng lần bị bắt, bị cáo chưa được nhận tiền công;

Bị cáo Nguyễn Thị Hồng T2 khai nhận chính bị cáo đã thực hiện hành vi mua ma túy của Lâm Thanh S để sử dụng như nội dung bản cáo trạng nêu. Và bị cáo còn khai tính đến ngày bị bắt, bị cáo đã mua ma túy của S tổng cộng 04 lần,

trong đó có 03 lần, sau khi gọi cho S hỏi mua ma túy, bị cáo nhờ Phạm Văn T1 đến gặp S nhận ma túy (02 lần đầu, mỗi lần bị cáo trả công cho T1 là 50.000 đồng, riêng lần thứ ba bị cáo chưa trả công cho T1). Còn lần thứ tư, bị cáo trực tiếp đến gặp S mua 01 gói ma túy đá giá 500.000 đồng để sử dụng. Ngoài ra, bị cáo xác nhận gói ma túy mà Công an thu giữ của T1 là gói ma túy bị cáo mua của S và nhờ T1 đi lấy, nhưng T1 chưa kịp giao gói ma túy này cho bị cáo thì T1 đã bị bắt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Lâm Thanh S, Nguyễn Thị Hồng T2 như bản cáo trạng; giữ phân quyết định truy tố bị cáo Phạm Văn T1 về tội «Vận chuyển trái phép chất ma túy» thuộc T1 hợp quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; rút phân quyết định truy tố đối với bị cáo Phạm Văn T1 về T1 hợp «Phạm tội 02 lần trở lên» theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Lâm Thanh S từ 08 năm đến 09 năm tù về tội «Mua bán trái phép chất ma túy»; từ 07 năm đến 08 năm tù về tội «Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy»; từ 02 năm đến 03 năm tù về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» theo điểm b khoản 2 Điều 251; điểm a khoản 2 Điều 255; điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của ba tội theo điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Phạm Văn T1 từ 03 năm đến 04 năm tù về tội «Vận chuyển trái phép chất ma túy» theo điểm c khoản 1 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 319 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng T2 từ 03 năm đến 04 năm tù về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» theo điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng hợp hình phạt của Bản án này với hình phạt 07 năm 06 tháng tù của Bản án số: 65/2023/HS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 6. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án theo Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt tiền bị cáo Lâm Thanh S từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Còn các bị cáo Phạm Văn T1, Nguyễn Thị Hồng T2 không có khả năng thi hành, nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo này.

Buộc bị cáo Phạm Văn T1 nộp lại 100.000 đồng, là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội để sung vào ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo màu đỏ, số Imei: 861570046782470; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh Đ, số Imei 1: 865635047367153, số Imei 2: 865635047367146; 01 chiếc xe gắn máy có số khung FS100-08000442, không xác định được số máy nguyên thủy.

Tịch thu, tiêu hủy: 02 gói ma túy, bên ngoài ghi vụ số: 1153, có chữ ký niêm phong lại của Giám định viên Trịnh Hải Thắng và cán bộ điều tra Phạm Tiến Nguyên. Bên trong: Gói 1 chứa tinh thể không màu (m_1) có khối lượng 2,4526 gam; Gói 2 chứa tinh thể không màu (m_2) có khối lượng 1,4191 gam và bột màu trắng ngà (m_3) có khối lượng 0,1496 gam (mẫu vật còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định); 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 cân điện tử; 01 ống hút nhựa được cắt xéo một đầu; 01 sim điện thoại số 0879379767; 01 sim điện thoại số 0928979733 và 01 biển số xe 50H4-1646.

Trả lại ông Trần Thanh P 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A53 màu xanh, số Imei 1: 353842194144760, số Imei 2: 354708204144760 (bên trong có 01 sim điện thoại số 0934016958) và số tiền 500.000 đồng.

Còn các vật chứng khác, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã xử lý xong, nên không đề nghị xử lý.

Lời nói sau cùng, các bị cáo Phạm Văn T1, Nguyễn Thị Hồng T2 đều cho rằng trong thời gian bị tạm giam, các bị cáo đã nhận thức được hành vi của các bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật, nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt các bị cáo mức án nhẹ nhất để các bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trước khi mở phiên tòa, bị cáo Lâm Thanh S có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì lý do sức khỏe. Xét đề nghị này của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không trái quy định pháp luật và sự vắng mặt của bị cáo cũng không gây trở ngại cho việc xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị cáo theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Đối chiếu lời khai của các bị cáo Phạm Văn T1, Nguyễn Thị Hồng T2 tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; Thực nghiệm điều tra ngày 08/01/2024 của Công an Quận 6 (kèm bản ảnh); Kết luận giám định số: 5431/KL-KTHS ngày 26/5/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh; lời khai của bị cáo Lâm Thanh S, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trần Thanh P và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ, lời khai khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lâm Thanh S đã phạm tội «Mua bán trái phép chất ma túy», tội «Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy» và tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy»; tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 251, Điều 255, Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo Phạm Văn T1 đã phạm tội «Vận chuyển trái phép chất ma túy»; tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo Nguyễn Thị Hồng T2 đã phạm tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy»; tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015).

[3.1] Bị cáo Lâm Thanh S đã mua bán chất ma túy ở thể rắn và tính đến ngày bị bắt, bị cáo đã bán ma túy cho Nguyễn Thị Hồng T2 04 lần (trong đó, có 01 lần bị cáo bán trực tiếp cho T2, 03 lần thông qua T1 - lời khai này của bị cáo tại Cơ quan điều tra là phù hợp với lời khai của Phạm Văn T1, Nguyễn Thị Hồng T2 tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa). Ngoài ra, lúc bắt quả tang, Công an đã thu giữ của Phạm Văn T1 01 gói nylon, bên trong có 2,5277 gam ma túy, loại Methamphetamine và T1 khai gói ma túy này là của Lâm Thanh S bán cho Nguyễn Thị Hồng T2 với giá 1.000.000 đồng (lời khai này của T1 phù hợp với lời khai của S tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của T2 tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa). Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 truy tố bị cáo Lâm Thanh S về tội «Mua bán trái phép chất ma túy» thuộc T1 hợp «Phạm tội 02 lần trở lên», theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3.2] Ngoài ra, bị cáo Lâm Thanh S xác nhận chính bị cáo là người đã 02 lần cung cấp ma túy (loại Methamphetamine), cung cấp dụng cụ dùng để sử dụng ma túy (chai nhựa, ống thủy tinh, ống hút nhựa) cho Trần Thanh P sử dụng bằng hình thức hút tại căn phòng thuộc quyền quản lý của bị cáo (phòng ngủ,

tầng 2, nhà số 1017/56 đường HB, Phường L, Quận F - lời khai của bị cáo và của Trần Thanh P tại Cơ quan điều tra là phù hợp với nhau), nên ngoài hành vi phạm tội nêu trên, bị cáo Lâm Thanh S còn phạm tội «Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy» thuộc T1 hợp «Phạm tội 02 lần trở lên» theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự năm 2015, đúng như Viện kiểm sát đã truy tố.

[3.3] Mặt khác, bị cáo Lâm Thanh S đã cất giữ 1,9956 gam ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine và 0,2351 gam ma túy ở thể rắn, loại Heroine (toàn bộ số ma túy này bị cáo xác nhận là của bị cáo mua và cất giữ nhằm mục đích sử dụng). Căn cứ Điều 4 Nghị định số: 19/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ thì tổng khối lượng của 02 chất ma túy (Methamphetamine, Heroine) mà bị cáo Lâm Thanh S cất giữ nhằm mục đích sử dụng là 2,2307 gam. Đối chiếu tổng khối lượng của 02 chất ma túy (Methamphetamine, Heroine) với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 thì trong T1 hợp này tổng khối lượng của 02 chất ma túy trên tương đương với khối lượng Methamphetamine, Heroine được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 truy tố bị cáo về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» thuộc T1 hợp «Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này» theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3.4] Bị cáo Phạm Văn T1 đã vận chuyển bắt hợp pháp chất ma túy ở thể rắn và thời điểm bắt quả tang (vào lúc 22 giờ 50 phút ngày 18/5/2023 tại trước nhà số 482 đường NVL, Phường L, Quận F) đã thu giữ trong túi quần phía trước bên trái của bị cáo 01 gói nylon, bên trong có 2,5277 gam ma túy, loại Methamphetamine. Bị cáo khai gói ma túy này là bị cáo lấy từ Lâm Thanh S đem về cho Nguyễn Thị Hồng T2 nhằm mục đích hưởng tiền công (lời khai này của bị cáo T1 phù hợp với lời khai của bị cáo S tại Cơ quan điều tra). Tại phiên tòa, bị cáo T2 xác nhận gói ma túy mà Công an thu giữ của bị cáo T1 là của bị cáo mua từ Lâm Thanh S và nhờ T1 đến nhà của S tại địa chỉ 1017/56 đường HB, Phường L, Quận F lấy giúp đem về cho bị cáo. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 truy tố bị cáo T1 về tội «Vận chuyển trái phép chất ma túy» thuộc T1 hợp «Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam» theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 2015; truy tố bị cáo T2 về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» thuộc T1 hợp «Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam» theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3.5] Hành vi của các bị cáo Lâm Thanh S, Phạm Văn T1, Nguyễn Thị Hồng T2 không những đã trực tiếp xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về

chế độ độc quyền trong việc quản lý, trao đổi, cất giữ chất ma túy mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an xã hội.

[3.6] Các bị cáo Lâm Thanh S, Phạm Văn T1, Nguyễn Thị Hồng T2 đều là những người đã trưởng thành. Các bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được tác hại của ma túy, nhận thức được hành vi mua bán, cất giữ trái phép chất ma túy, hành vi chuyển dịch bất hợp pháp chất ma túy, cũng như hành vi cung cấp ma túy cho người khác sử dụng, là những hành vi vi phạm pháp luật, nhưng do hám lợi (đối với các bị cáo Lâm Thanh S, Phạm Văn T1), để thỏa mãn lối sống không lành mạnh (đối với bị cáo Nguyễn Thị Hồng T2) và nhất là xem thường pháp luật, nên các bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[4] Về nhân thân của các bị cáo:

[4.1] Các bị cáo Lâm Thanh S, Phạm Văn T1, Nguyễn Thị Hồng T2 đều có nhân thân xấu (bị cáo Lâm Thanh S: Ngày 08/5/2008, bị Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm 04 tháng về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy»; ngày 05/7/2019, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 6 quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường 06 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy. Bị cáo Phạm Văn T1: Ngày 21/01/2020, bị Tòa án nhân dân Quận 6 quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 12 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy. Bị cáo Nguyễn Thị Hồng T2: Ngày 06/6/2006, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội «Cướp tài sản»). Mặc dù ở lần phạm tội này các bị cáo đều đã được đương nhiên xóa án tích thì coi như chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, nhưng điều này cũng cho thấy tuy đã được cải tạo, giáo dục, các bị cáo không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, là thể hiện thấy ý thức chấp hành pháp luật không tốt.

[4.2] Riêng bị cáo Nguyễn Thị Hồng T2, trong thời gian được tại ngoại để điều tra, truy tố, bị cáo còn thực hiện hành vi cất giữ trái phép chất ma túy và ngày 25/9/2023, bị Tòa án nhân dân Quận 6 xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội «Mua bán trái phép chất ma túy». Chứng tỏ bị cáo là người hết sức xem thường pháp luật.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Lâm Thanh S là rất nghiêm trọng; hành vi phạm tội của các bị cáo Phạm Văn T1, Nguyễn Thị Hồng T2 là nghiêm trọng. Mặt khác, ma túy nói chung và các chất ma túy ở thể rắn như Methamphetamine, Heroine nói riêng là chất gây nghiện độc hại, việc sử dụng ma túy đã gây tác hại rất lớn và ảnh hưởng rất xấu đến sức khỏe, làm mất khả năng lao động, học tập của chính người sử dụng và đây cũng chính là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt các bị cáo những mức án thật nghiêm khắc tương xứng, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và để

phòng ngừa chung, góp phần vào công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay, nhất là các tội phạm về ma túy. Tuy nhiên, xét các bị cáo tại Cơ quan điều tra đều có thái độ thành khẩn khai báo; tại phiên tòa, các bị cáo T2, T1 thể hiện sự ăn năn hối cải, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình tùy theo tính chất, mức độ, vai trò tham gia của từng bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Riêng bị cáo S bệnh nặng (nhiễm HIV/AIDS, đang điều trị thuốc kháng vi rút HIV); khi tội phạm bị phát hiện, Công an tiến hành kiểm tra nơi cư trú của bị cáo thì bị cáo đã tự nguyện giao nộp 02 gói ma túy. Bị cáo T2 hiện có con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, nên Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo này được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Những nhận định trên cũng là căn cứ để chấp nhận một phần quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[7] Về hình phạt bổ sung:

[7.1] Ngoài hình phạt tù, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo Lâm Thanh S theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[7.2] Còn các bị cáo Phạm Văn T1, Nguyễn Thị Hồng T2 thì theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế hết sức khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo này theo quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[7.3] Buộc bị cáo Phạm Văn T1 nộp lại 100.000 đồng, là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội để sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Việc xử lý vật chứng:

[8.1] Phương tiện mà các bị cáo Lâm Thanh S, Phạm Văn T1 dùng vào việc phạm tội là 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo màu đỏ, số Imei: 861570046782470 (thu giữ của bị cáo T1); 01 chiếc điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh Đ, số Imei 1: 865635047367153, số Imei 2: 865635047367146 (thu giữ của bị cáo S), Hội đồng xét xử tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8.2] Đối với chiếc xe gắn máy biển số 50H4-1646 thu giữ của bị cáo Phạm Văn T1 (bị cáo khai mượn từ một người cậu tên Tuấn không rõ lai lịch). Theo Kết luận giám định số: 3043/KL-KTHS ngày 15/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL191), chiếc xe này có số khung

FS100-08000442, không xác định được số máy nguyên thủy. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định chiếc xe gắn máy trên là tài sản cầm lưu hành (số máy bị băm mất số), nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát là tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước đối với chiếc xe theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8.3] Còn biên số 50H4-1646, theo Kết luận giám định số: 3042/KL-KTHS ngày 15/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL192) và Phiếu trả lời xác minh ngày 20/5/2023 của Công an Quận 6 (BL13), là biên số của chiếc xe gắn máy có số máy C100ME0081678, số khung C100M0081678 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Honda, số loại Dream II), do bà Tất Yên L, thường trú: 502 đường PVT, Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ xe (không phải là biên số của chiếc xe mà bị cáo T1 sử dụng làm phương tiện phạm tội), do đó Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8.4] Đối với 02 gói ma túy, bên ngoài ghi vụ số: 1153, có chữ ký niêm phong lại của Giám định viên Trịnh Hải Thắng và cán bộ điều tra Phạm Tiến Nguyên. Bên trong: Gói 1 chứa tinh thể không màu (m_1) có khối lượng 2,4526 gam; Gói 2 chứa tinh thể không màu (m_2) có khối lượng 1,4191 gam và bột màu trắng ngà (m_3) có khối lượng 0,1496 gam (mẫu vật còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định); 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 cân điện tử; 01 ống hút nhựa được cắt xéo một đầu; 01 sim điện thoại số 0879379767 (trong chiếc điện thoại di động hiệu Oppo màu đỏ); 01 sim điện thoại số 0928979733 (trong chiếc điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh Đ), là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, vật không có giá trị hoặc không sử dụng được, nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[8.5] Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A53 màu xanh, số Imei 1: 353842194144760, số Imei 2: 354708204144760 (bên trong có 01 sim điện thoại số 0934016958) và số tiền 500.000 đồng thu giữ của ông Trần Thanh P. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị trả lại cho ông P vì không đủ căn cứ xác định ông P đã hoặc sẽ dùng vào việc phạm tội. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 144/PNK ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Công an Quận 6; Quyết định chuyển vật chứng số: 21/QĐ-VKS ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6; Giấy nộp tiền ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn - Chi nhánh Bắc Thành phố Hồ Chí Minh; Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài

sản ngày 28 tháng 02 năm 2024 giữa Công an Quận 6 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6)

[8.6] Đối với chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Honda Vario, biển số 50N1-866.51, số máy KF41E-1604568, số khung MH1KF4118KK604158 thu giữ của ông Trần Thanh P, Cơ quan điều tra xác định là tài sản hợp pháp của bà Huỳnh Kiệt C (bạn gái của ông P), nên đã xử lý trả lại cho bà C (theo Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 20/7/2023 - BL205), do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[8.7] Đối với chiếc điện thoại mà bị cáo Nguyễn Thị Hồng T2 dùng liên lạc với các bị cáo Lâm Thanh S, Phạm Văn T1 trong việc mua ma túy và nhờ vận chuyển ma túy, bị cáo khai là điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng, có số thuê bao 0896986628, nhưng bị cáo đã bán để lấy tiền mua ma túy ngày 18/5/2023, nên Cơ quan điều tra không thu hồi được, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[9] Đối với ông Trần Thanh P, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát xác định không liên quan đến hành vi mua bán, cất giữ ma túy của bị cáo Lâm Thanh S, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự. Còn hành vi sử dụng ma túy của Phong thì ngày 02/8/2023, Tòa án nhân dân Quận 6 đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 18 tháng về hành vi này, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[9.1] Đối với người tên Đ bán ma túy cho bị cáo Lâm Thanh S và những người mua ma túy từ bị cáo S (ngoài bị cáo Nguyễn Thị Hồng T2). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị lúc nào Cơ quan điều tra xác minh làm rõ xử lý sau, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[10] Việc tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát rút phần quyết định truy tố bị cáo Phạm Văn T1 về T1 hợp «Phạm tội 02 lần trở lên» theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 2015, là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 319, khoản 1 Điều 325 của Bộ luật tố tụng hình sự. Vì mặc dù bị cáo T1 khai đã nhiều lần vận chuyển ma túy cho Nguyễn Thị Hồng T2. Tuy nhiên do không thu giữ được vật chứng mà chỉ có lời khai của các bị cáo, nên không có căn cứ xác định khối lượng ma túy mà bị cáo vận chuyển đủ mức tối thiểu quy định tại điểm c khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 2015 hay không.

[11] Về tổng hợp hình phạt: Ngày 25/9/2023, bị cáo Nguyễn Thị Hồng T2 bị Tòa án nhân dân Quận 6 xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội «Mua bán trái phép chất ma túy» (Bản án số: 65/2023/HS-ST), nên Hội đồng xét xử quyết định tổng hợp hình phạt của bản án lần này với hình phạt của Bản án số: 65/2023/HS-ST, để buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[12] Về án phí: Các bị cáo Lâm Thanh S, Phạm Văn T1, Nguyễn Thị Hồng T2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm a khoản 2 Điều 255; điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Lâm Thanh S** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội «Mua bán trái phép chất ma túy»; 07 (bảy) năm tù về tội «Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy»; 02 (hai) năm tù về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy». Tổng hợp hình phạt chung của ba tội là 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/5/2023.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 319, khoản 1 Điều 325 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T1** (Hậu, Hậu A) 03 (ba) năm tù về tội «Vận chuyển trái phép chất ma túy». Thời hạn tù tính từ ngày 18/5/2023.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 56 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Hồng T2** 03 (ba) năm tù về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy». Tổng hợp hình phạt của Bản án này với hình phạt 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù của Bản án số: 65/2023/HS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/6/2023, được trừ thời gian bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/3/2023 đến ngày 01/4/2023.

- Căn cứ khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo Lâm Thanh S nộp phạt 10.000.000 (mười triệu) đồng.

- Căn cứ điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo Phạm Văn T1 nộp lại 100.000 (một trăm ngàn) đồng, là khoản tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội để sung vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) chiếc xe gắn máy có số khung FS100-08000442, không xác định được số máy nguyên thủy; 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Oppo màu đỏ, số Imei: 861570046782470; 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh Đ, số Imei 1: 865635047367153, số Imei 2: 865635047367146.

- Căn cứ điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 02 (hai) gói ma túy, bên ngoài ghi vụ số: 1153, có chữ ký niêm phong lại của Giám định viên Trịnh Hải Thắng và cán bộ điều tra Phạm Tiến Nguyên. Bên trong: Gói 1 chứa tinh thể không màu (m_1) có khối lượng 2,4526 (hai phẩy bốn năm hai sáu) gam; Gói 2 chứa tinh thể không màu (m_2) có khối lượng 1,4191 (một phẩy bốn một chín một) gam và bột màu trắng ngà (m_3) có khối lượng 0,1496 (không phẩy một bốn chín sáu) gam; 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 (một) cân điện tử; 01 (một) ống hút nhựa được cắt xéo một đầu; 01 (một) sim điện thoại số 0879379767; 01 (một) sim điện thoại số 0928979733 và 01 (một) biển số xe 50H4-1646.

- Căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại ông Trần Thanh P 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A53 màu xanh, số Imei 1: 353842194144760, số Imei 2: 354708204144760, bên trong có 01 (một) sim điện thoại số 0934016958 và 500.000 (năm trăm ngàn) đồng.

(theo Giấy nộp tiền ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn - Chi nhánh Bắc Thành phố Hồ Chí Minh; Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28 tháng 02 năm 2024 giữa Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh)

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

T1 hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Các bị cáo Phạm Văn T1, Nguyễn Thị Hồng T2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị cáo Lâm

Thanh S; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (Phòng PV06);
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên